

Số: /SGD&ĐT-QLCL

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2026

V/v hướng dẫn thực hiện Kỳ thi
tốt nghiệp THPT năm 2026

Kính gửi:

- Các trường THPT;
- Trường THPT Chuyên ĐH Vinh;
- Trường Phổ thông Năng khiếu TDTT;
- Các trung tâm GDTX, GDNN - GDTX.

Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 (gọi tắt là Kỳ thi) được thực hiện theo Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24/12/2024 và được sửa đổi bởi Thông tư Số 13/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Quy chế thi) và Công văn số 1257/BGDĐT-QLCL ngày 19/3/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn một số nội dung tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026.

Để tổ chức, triển khai và thực hiện tốt Kỳ thi, Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Hiệu trưởng các trường THPT, THPT Chuyên ĐH Vinh, PT Năng khiếu TDTT Nghệ An, Giám đốc các TTGDTX, TTGDNN-GDTX (gọi chung là các đơn vị đăng ký dự thi) thực hiện nghiêm túc, đầy đủ việc nghiên cứu, học tập các văn bản nói trên cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thuộc phạm vi quản lý, đồng thời thực hiện đúng những nội dung hướng dẫn cụ thể sau:

I. Đối tượng và điều kiện dự thi, tổ chức đăng ký dự thi

1. Đối tượng dự thi

Đối tượng dự thi gồm:

- Người đã hoàn thành Chương trình GDPT/GDTX trong năm tổ chức kỳ thi;
- Người đã hoàn thành Chương trình GDPT/GDTX nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
- Người đã có Bằng tốt nghiệp THPT dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh;
- Người đã có Bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

2. Điều kiện dự thi

- Các đối tượng dự thi phải ĐKDT và nộp đầy đủ các giấy tờ đúng thời hạn;
- Đối tượng quy định tại điểm d mục 1 phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT.

3. Đăng ký môn thi:

a) Để xét công nhận tốt nghiệp THPT: Thí sinh phải đăng ký dự thi môn Ngữ văn, môn Toán và 01 bài thi tự chọn gồm 02 môn thi trong số các môn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ Công nghiệp, Công nghệ Nông nghiệp, Ngoại ngữ. Thí sinh chọn 02 môn thi của bài thi tự chọn trong số các môn đã được học ở lớp 12. Thí sinh được ĐKDT môn Ngoại ngữ khác với môn Ngoại ngữ đang học tại trường phổ thông;

b) Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại điểm c, d mục 1 chỉ đăng ký môn thi theo nguyện vọng. Riêng đối với bài thi tự chọn, thí sinh chỉ được chọn tối đa 02 môn thi.

c) Với bài thi Ngoại ngữ, thí sinh được chọn dự thi một trong 7 (bảy) ngôn ngữ sau: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Đức, Tiếng Nhật và Tiếng Hàn.

Các trường hợp được miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT:

- Thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GDĐT được miễn thi môn ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT;

- Người có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại bảng dưới đây hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ GDĐT công nhận tương đương với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (đạt từ bậc 3 trở lên và có giá trị sử dụng đến ngày làm thủ tục dự thi) được miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT;

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
1	Tiếng Anh	- TOEFL ITP 450 điểm	Educational Testing Service (ETS)
		- TOEFL iBT 45 điểm	
		- TOEIC (4 kỹ năng) Nghe: 275; Đọc: 275; Nói: 120; Viết: 120	
		IELTS 4.0 điểm	British Council (BC); International Development Program (IDP)
		- B1 Preliminary	Cambridge Assessment English; Cambridge University Press & Assessment
		- B1 Business Preliminary	
		- B1 Linguaskill	British Council (BC)
Aptis ESOL B1			
- Pearson English International Certificate (PEIC) Level 2	Pearson		
- Pearson Test of English Academic (PTE Academic) 43 điểm			

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
		- Versant English Placement Test (VEPT) 43 điểm	
		Chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đạt từ Bậc 3	Các đơn vị tổ chức thi theo quy chế thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hiện hành
2	Tiếng Nga	TORFL cấp độ 1 (Первый сертификационный уровень - ТРКИ-1)	Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội (The Russian centre of science and culture in Hanoi)
3	Tiếng Pháp	- TCF 300 điểm - DELF B1	Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pedagogiques - CIEP); Cơ quan Giáo dục Quốc tế Pháp (France Education International - FEI)
4	Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 3	Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese); Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc); Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (Center for Language Education and Cooperation")
		- TOCFL cấp độ 3	Ủy ban công tác thúc đẩy Kỳ thi đánh giá năng lực Hoa ngữ quốc gia (Steering Committee for the Test of Proficiency - Huayu)
5	Tiếng Đức	- Goethe-Zertifikat B1	Viện Goethe (Goethe-Institut)
		- DSD cấp độ B1	Ủy ban giáo dục phổ thông Đức tại nước ngoài (ZfA)
6	Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
		J.TEST cấp độ D	Công ty TNHH Gobun Kenkyusya (Gobun Kenkyusya Co., Ltd)
7	Tiếng Hàn	TOPIK cấp độ 3	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc

- Người có đủ điều kiện miễn thi môn Ngoại ngữ nhưng vẫn muốn tham gia thi môn Ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp thì phải sử dụng kết quả thi môn Ngoại ngữ để tính điểm xét tốt nghiệp THPT.

d) Miễn thi môn Ngữ văn trong xét công nhận tốt nghiệp THPT: Người nước ngoài có chứng chỉ tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài (đạt từ bậc 3 trở lên) được miễn thi môn Ngữ văn trong xét công nhận tốt nghiệp THPT. Đối với người có đủ điều kiện miễn thi môn Ngữ văn nhưng vẫn muốn tham gia thi môn Ngữ văn trong kỳ thi tốt nghiệp thì phải sử dụng kết quả thi môn

Ngữ văn để tính điểm xét tốt nghiệp THPT.

Các đơn vị đăng ký dự thi chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ các chứng chỉ mà thí sinh dùng để đăng ký miễn thi môn Ngoại ngữ hoặc môn Ngữ văn trong xét công nhận tốt nghiệp, sau đó cập nhật lên Hệ thống phần mềm Quản lý thi (Hệ thống QLT) theo đúng quy định và in danh sách thí sinh từ Hệ thống QLT được miễn thi Ngoại ngữ có xác nhận của thủ trưởng đơn vị để cung cấp cho đoàn kiểm tra chéo hồ sơ.

e) Bảo lưu điểm thi

- Thí sinh đã dự thi đủ các môn thi quy định nhưng chưa tốt nghiệp THPT và không bị kỷ luật hủy kết quả thi được bảo lưu điểm thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT trong kỳ thi năm liền kề tiếp theo. Môn thi được bảo lưu phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.

- Thí sinh có điểm bảo lưu theo quy định trên, để được xét công nhận tốt nghiệp của kỳ thi năm liền kề tiếp theo phải đăng ký dự thi theo quy định tại điểm a mục 3 của văn bản này (trong đó phải có môn thi được bảo lưu) và chỉ dự thi những môn thi mà không có điểm bảo lưu. Trong trường hợp thí sinh dự thi môn thi được bảo lưu thì phải sử dụng kết quả thi để xét công nhận tốt nghiệp.

- Điểm bảo lưu do Hiệu trưởng trường phổ thông nơi thí sinh đã dự thi năm trước xác nhận hoặc do Sở GDĐT nơi thí sinh đã dự thi xác nhận trong trường hợp thí sinh dự thi tại tỉnh khác.

g) Sau khi kết thúc thời hạn ĐKDT, thí sinh không được thay đổi các thông tin về bài thi/môn thi đã đăng ký.

4. Đăng ký dự thi

4.1. Nơi đăng ký dự thi (ĐKDT):

- Đối tượng quy định tại điểm a mục 1 của văn bản này: Thực hiện ĐKDT trực tuyến hoặc ĐKDT trực tiếp tại trường phổ thông nơi học lớp 12.

- Đối tượng quy định tại điểm b, c, d mục 1 của văn bản này ĐKDT trực tuyến hoặc trực tiếp tại địa điểm (gọi là nơi ĐKDT) do sở GDĐT quy định.

- Mỗi đơn vị đăng ký dự thi cho đối tượng quy định tại điểm a mục 1 của văn bản này được cấp 01 mã số từ 001 đến 900, mỗi đơn vị đăng ký dự thi cho đối tượng quy định tại điểm b, c, d mục 1 của văn bản này được cấp 01 mã số từ 901 đến 999 để quản lý Phiếu ĐKDT cho thí sinh (Phụ lục I) và cấp một tài khoản, mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống Quản lý thi.

- Thủ trưởng các đơn vị nơi thí sinh nộp Phiếu ĐKDT chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn ĐKDT, cấp tài khoản cho thí sinh, thu Phiếu ĐKDT, nhập thông tin thí sinh ĐKDT, quản lý hồ sơ ĐKDT và chuyển hồ sơ, dữ liệu ĐKDT cho Sở Giáo dục và Đào tạo theo đúng thời gian quy định.

Các đơn vị tổ chức ĐKDT cần lưu ý một số điểm sau:

a) Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho việc ĐKDT (nơi đón tiếp thí sinh đến đăng ký, máy vi tính, máy in, Phiếu ĐKDT, Phiếu

đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT, Túi hồ sơ,...); Hướng dẫn cho thí sinh cách đăng ký dự thi trực tuyến, cách ghi phiếu ĐKDT trực tiếp và sử dụng tài khoản được cấp sau khi hoàn thành đăng ký trên phần mềm quản lý thi.

b) Rà soát, cập nhật thông tin của học sinh, học viên (gọi chung là học sinh) đang học lớp 12 trên cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành, gồm:

- Thông tin cá nhân học sinh, hoàn thành **trước 17 giờ ngày 15/4/2026**.

- Thông tin kết quả học tập của học sinh, hoàn thành **trước 17 giờ ngày 31/5/2026**.

4.2. Hồ sơ ĐKDT

a) Phiếu ĐKDT;

b) Các loại chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có);

c) Ảnh cỡ 4x6 chụp theo kiểu căn cước/căn cước công dân, được chụp trước thời gian nộp hồ sơ không quá 06 tháng;

d) Bản sao học bạ THPT (đối với thí sinh thuộc điểm b mục 1 văn bản này);

e) Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh thuộc điểm c mục 1 văn bản này);

g) Bản sao Bằng tốt nghiệp trung cấp, bản sao Sổ học tập hoặc bảng điểm học các môn văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GDĐT (đối với thí sinh thuộc điểm d mục 1 văn bản này);

h) Giấy xác nhận điểm bảo lưu (nếu có) do Hiệu trưởng trường phổ thông nơi thí sinh đã dự thi năm trước xác nhận hoặc do sở GDĐT nơi thí sinh đã dự thi xác nhận trong trường hợp thí sinh dự thi tại tỉnh khác.

Lưu ý:

- Ảnh của thí sinh trên hệ thống phải bảo đảm độ phân giải tối thiểu là 400x600 pixels.

- Trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký sơ tuyển, đăng ký xét tuyển sinh ĐH, CĐ các thí sinh phải sử dụng thống nhất một loại giấy tờ tùy thân là thẻ Căn cước/CCCD/ĐDCN/Số hộ chiếu.

4.3. Thời hạn đăng ký dự thi

a) Các trường phổ thông lập và giao tài khoản, đăng ký dự thi cho học sinh đang học lớp 12 năm học 2025-2026 (gọi tắt là thí sinh đang học lớp 12):

- Lập và giao tài khoản cho thí sinh: **hoàn thành trước 17 giờ ngày 15/4/2026**.

- Tổ chức cho thí sinh đang học lớp 12 thử đăng ký dự thi (ĐKDT) trực tuyến trên Hệ thống QLT: **từ ngày 17/4 đến hết ngày 21/4/2026**.

b) Đơn vị ĐKDT do sở GDĐT quy định: Tổ chức cho các thí sinh ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến; nhập phiếu ĐKDT, đăng ký xét công nhận tốt nghiệp đối với các thí sinh nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: **từ ngày 24/4 đến 17 giờ ngày 05/5/2026**.

c) Thí sinh có trách nhiệm bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu được cấp để đăng nhập vào Hệ thống Quản lý thi. Trong trường hợp thí sinh quên tài khoản và mật khẩu thì liên hệ với nơi ĐKDT để được hỗ trợ.

d) Các đơn vị đăng ký dự thi rà soát, kiểm tra, chỉnh sửa thông tin của thí sinh (nếu có), rà soát điểm bảo lưu của thí sinh (nếu có): **hoàn thành chậm nhất ngày 09/5/2026.**

e) Các đơn vị ĐKDT tra cứu thông tin từ nguồn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để xác nhận diện ưu tiên theo nơi thường trú, đối tượng người dân tộc thiểu số cho thí sinh: **hoàn thành chậm nhất ngày 09/5/2026.**

g) Các đơn vị ĐKDT in danh sách thí sinh ĐKDT theo thứ tự a, b, c,... của tên thí sinh; in, ký tên và đóng dấu trên Phiếu ĐKDT đối với thí sinh đăng ký ĐKDT trực tuyến, cho thí sinh ký xác nhận thông tin ĐKDT trên Phiếu và danh sách; bàn giao cho thí sinh Phiếu ĐKDT: **hoàn thành chậm nhất ngày 13/5/2026.**

h) Sở GD&ĐT tổ chức cho các Đơn vị ĐKDT kiểm tra và kiểm tra chéo thông tin thí sinh: **hoàn thành chậm nhất ngày 15/5/2026.**

i) Các đơn vị ĐKDT hoàn thành chỉnh sửa thông tin của thí sinh (nếu có); duyệt thông tin ĐKDT; bàn giao Danh sách thí sinh ĐKDT và phiếu ĐKDT cho Sở GD&ĐT: **hoàn thành chậm nhất ngày 20/5/2026.**

k) Các Đơn vị ĐKDT rà soát dữ liệu kết quả học tập, kết quả rèn luyện của của thí sinh; cho học sinh rà soát, ký xác nhận; duyệt thông tin xét công nhận tốt nghiệp trên hệ thống QLT: **hoàn thành chậm nhất ngày 02/6/2026.**

l) Các Đơn vị ĐKDT thông báo công khai những trường hợp thí sinh không đủ điều kiện dự thi (*theo mục 2 văn bản này*): **hoàn thành chậm nhất ngày 05/6/2026.**

m) Các Đơn vị ĐKDT in các tài liệu cho công tác tổ chức thi và trả Giấy báo dự thi cho thí sinh: **hoàn thành chậm nhất ngày 06/6/2026.**

Lưu ý:

- Tài khoản của thí sinh là số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân (viết tắt là CCCD)/mã số định danh cá nhân (viết tắt là ĐDCN) do cơ quan Công an cấp. Đối với thí sinh không có Thẻ Căn Cước/CCCD/ĐDCN hoặc không có quốc tịch Việt Nam thì sử dụng số Hộ chiếu của thí sinh để thay thế. Trường hợp thí sinh không có Thẻ Căn Cước/CCCD/ĐDCN/số Hộ chiếu thì Hệ thống QLT sẽ gán cho thí sinh một mã số gồm 12 ký tự để quản lý.

- Để bảo đảm dữ liệu tổ chức thi là chính xác, các đơn vị ĐKDT in thông tin của thí sinh đang học lớp 12 từ Hệ thống QLT (Phiếu ĐKDT, Phiếu Đăng ký xét công nhận tốt nghiệp) và tổ chức cho học sinh rà soát, ký xác nhận.

4.4. Tổ chức ĐKDT:

a) Thí sinh ĐKDT theo các quy định của Sở GD&ĐT Nghệ An tại văn bản này.

b) Thí sinh hoàn thiện và nộp hồ sơ xét công nhận tốt nghiệp THPT tại trường phổ thông hoặc nơi ĐKDT theo qui định của Sở GD&ĐT Nghệ An tại văn bản này.

c) Thủ trưởng đơn vị nơi ĐKDT chịu trách nhiệm hướng dẫn thí sinh ĐKDT;

rà soát, cập nhật thông tin thí sinh ĐKDT đối với đối tượng đăng ký dự thi trực tuyến; nhập thông tin thí sinh ĐKDT đối với đối tượng đăng ký trực tiếp; tổ chức xét duyệt hồ sơ ĐKDT và thông báo công khai những trường hợp không đủ điều kiện dự thi quy định tại mục 2 của văn bản này; thu Phiếu ĐKDT; quản lý hồ sơ ĐKDT và chuyển hồ sơ, dữ liệu ĐKDT cho Sở GD&ĐT.

4.5. Kiểm tra hồ sơ dự thi của thí sinh

Để hạn chế và kịp thời xử lý những sai sót trong quá trình lập danh sách thí sinh, các đơn vị phải tự tổ chức kiểm tra nghiêm túc, chặt chẽ hồ sơ ĐKDT. Sở sẽ thành lập các đoàn kiểm tra chéo hồ sơ thi (*có công văn hướng dẫn riêng*) và có thông báo kết quả kiểm tra hồ sơ của từng đơn vị.

II. Ngày thi, lịch thi, nội dung thi, hình thức thi, thời gian làm bài và đề thi

1. Ngày thi, lịch thi:

Ngày	Buổi	Bài thi/Môn thi		Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
10/6/2026	SÁNG	08 giờ 00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi				
	CHIỀU	14 giờ 00: Thí sinh làm thủ tục dự thi tại phòng thi, đính chính sai sót (nếu có) và nghe phổ biến Quy chế thi, Lịch thi				
11/6/2026	SÁNG	Ngữ văn		120 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
	CHIỀU	Toán		90 phút	14 giờ 20	14 giờ 30
12/6/2026	SÁNG	Bài thi tự chọn	Môn thứ 1	50 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
			Môn thứ 2	50 phút	08 giờ 35	08 giờ 40
13/6/2026		Dự phòng				

2. Nội dung thi: Bám sát nội dung của Chương trình GDPT hiện hành cấp trung học phổ thông, chủ yếu là chương trình lớp 12.

3. Hình thức thi, thời gian làm bài môn thi/bài thi: Thực hiện theo quy định về cấu trúc định dạng đề thi kỳ thi tốt nghiệp THPT được Bộ GD&ĐT ban hành.

III. Tổ chức Hội đồng thi

1. Thành lập các Điểm thi

1.1. Căn cứ phương án tổ chức các Điểm thi của Hội đồng thi đã được Giám đốc Sở phê duyệt, các trường, trung tâm được đặt làm địa điểm thi (*gọi chung là đơn vị sở tại*) chuẩn bị cơ sở vật chất cho Điểm thi: phòng thi, phòng làm việc của lãnh đạo Điểm thi, các văn bản, bảng biểu, văn phòng phẩm...

Sở điều động trực tiếp Trưởng, Phó và Thư ký Điểm thi cùng số lượng cán bộ làm nhiệm vụ tại các Điểm thi. Căn cứ số lượng yêu cầu, Thủ trưởng các đơn vị chọn, cử cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định của Quy chế thi để tham gia công tác coi thi tại Điểm thi được phân công.

1.2. Lịch họp Trưởng các Điểm thi: **từ 8 giờ 00 phút, ngày 04/6/2026** tại Hội trường C, Sở GD&ĐT. Việc nhận hồ sơ thi của các Điểm thi, Sở sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể về thời gian và thành phần đi nhận.

2. Công tác Coi thi

Công tác Coi thi được thực hiện theo quy định tại Chương V của Quy chế thi. Sau đây là một số hướng dẫn cụ thể:

2.1. Ngày **9/6/2026**: Trưởng Điểm thi, Phó Trưởng Điểm thi, Thư ký, Công an, bảo vệ trường và nhân viên phục vụ có mặt tại Điểm thi thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức nhận đề thi từ Ban Vận chuyển và Bàn giao đề thi (*sẽ có công văn hướng dẫn cụ thể sau*);

- Kiểm tra việc chuẩn bị cho kỳ thi, tiếp nhận địa điểm thi, cơ sở vật chất và các phương tiện để tổ chức kỳ thi;

- Tiếp nhận hồ sơ thi, niêm yết trước cửa phòng thi Danh sách thí sinh trong phòng thi của từng buổi thi và quy định trách nhiệm thí sinh theo quy định tại Điều 21 Quy chế thi;

- Giải quyết những công việc cần thiết của kỳ thi, thống nhất những quy định về hiệu lệnh, phương pháp tiến hành kỳ thi, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Điểm thi; bố trí phương án bảo vệ đề thi, bài thi, hồ sơ thi và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ dưới đây.

2.2. Ngày **10/6/2026**:

Buổi sáng bắt đầu từ 08 giờ 00: Trưởng Điểm thi tổ chức họp toàn thể Điểm thi, nghiên cứu, học tập Quy chế, các văn bản, các quy định có liên quan đến kỳ thi; phân công cán bộ hướng dẫn thí sinh làm thủ tục dự thi; kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất, các thủ tục cần thiết, các điều kiện an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy; rà soát đội ngũ lãnh đạo, thư ký, cán bộ coi thi (CBCT), Cán bộ giám sát (CBGS) (*về số lượng, chất lượng*); Trưởng Điểm thi tổ chức đăng ký mẫu chữ ký (*mẫu tại Phụ lục III*) đối với những người tham gia công tác coi thi (*Trưởng Điểm thi, Phó Trưởng Điểm thi, Thư ký và CBCT*); photocopy thêm 02 bộ mẫu chữ ký, được để trong 03 túi, bên ngoài mỗi túi ghi rõ bản gốc/bản photocopy. Mỗi bộ mẫu chữ ký được đóng gói và niêm phong tại Điểm thi và bàn giao cho Ban Thư ký Hội đồng thi. Ban Thư ký Hội đồng thi bàn giao bản gốc cho Chủ tịch Hội đồng thi lưu; bàn giao bản photocopy cho Ban Làm phách bài thi tự luận và Ban Chấm thi trắc nghiệm khi bàn giao các túi bài thi.

Buổi chiều bắt đầu từ 14 giờ 00: Cán bộ được phân công hướng dẫn thí sinh làm thủ tục dự thi tại phòng thi, ghi xác nhận những sai sót về họ, tên, đối tượng, hộ khẩu thường trú, khu vực của thí sinh và chuyển những thông tin này cho Ban Thư ký Hội đồng thi xem xét, cập nhật vào phần mềm quản lý thi; phổ biến một số vấn đề liên quan trong Quy chế thi cho thí sinh như: Trách nhiệm của thí sinh (Điều 21), các quy định bảo vệ bí mật nhà nước với đề thi (Mục 2, Điều 5), các hành vi vi phạm Quy chế thi, ..., phổ biến Lịch thi cho thí sinh.

2.3. Trước mỗi buổi thi, Trưởng điểm thi phải bảo đảm các phương tiện thu, phát thông tin cá nhân (nếu có) của tất cả những người làm nhiệm vụ tại Điểm thi phải được lưu giữ tại phòng trực của Điểm thi, được khóa và niêm phong cho đến khi kết thúc buổi thi; kiểm tra điện thoại trực của Điểm thi bảo đảm có thể sử dụng khi cần thiết; phân công giám thị làm Giám thị 1, Giám thị 2, Giám sát phòng thi; tổ chức bốc thăm vị trí thực hiện nhiệm vụ giám sát; tổ chức bốc thăm vị trí thực hiện nhiệm vụ coi thi và cách đánh số báo danh tại phòng thi, bảo đảm nguyên tắc một Giám thị không coi thi quá một lần tại một phòng thi trong kỳ thi, quy định tối thiểu 05 cách đánh số báo danh trong phòng thi; bàn giao hồ sơ coi thi giấy thi/Phiếu TLTN, giấy nháp, Danh sách ảnh phòng thi và các dụng cụ cần thiết cho các giám thị; bố trí nơi bảo quản đồ dùng của thí sinh (vật dụng cá nhân, tài liệu không phép mang vào phòng thi) bảo đảm khoảng cách tối thiểu 25 mét tính từ nơi bảo quản đến phòng thi của thí sinh đó dự thi.

2.4. Quy trình tổ chức coi thi

1. Quy định chung

a) Các tờ giấy thi, phiếu TLTN, giấy nháp của thí sinh trong phòng thi phải có đủ chữ ký của Giám thị; Giám thị phải bảo vệ đề thi trong buổi thi, không để lọt đề thi ra ngoài phòng thi;

b) Thí sinh ra khỏi phòng thi: đối với buổi thi tự luận, thí sinh chỉ được ra khỏi phòng thi sau 2/3 (hai phần ba) thời gian làm bài và phải nộp bài làm, đề thi và giấy nháp trước khi rời phòng thi, khu vực thi; đối với bài thi trắc nghiệm, thí sinh không được phép ra khỏi phòng thi trong suốt thời gian làm bài thi và thời gian giữa hai môn thi của bài thi tự chọn; nếu thí sinh nhất thiết phải tạm thời ra khỏi phòng thi thì giám thị phải báo cho Giám sát phòng thi để phối hợp thực hiện; việc ra khỏi phòng thi, khu vực thi của thí sinh trong trường hợp cần cấp cứu phải có sự giám sát của công an cùng Giám sát phòng thi cho tới khi hết giờ làm bài của buổi thi và do Trưởng Điểm thi quyết định;

c) Nếu có thí sinh vi phạm Quy chế thi thì giám thị phải lập biên bản xử lý theo đúng quy định; khi có tình huống bất thường phải báo cáo ngay cho Trưởng Điểm thi giải quyết;

d) Trước khi hết giờ làm bài 15 phút (đối với bài thi độc lập và đối với mỗi môn thi trong bài thi tự chọn), giám thị thông báo thời gian còn lại cho thí sinh biết; Trước giờ thu bài thi 05 phút, giám thị yêu cầu thí sinh kiểm tra lại mã đề thi, số báo danh, các thông tin cá nhân khác trên giấy thi/Phiếu TLTN;

e) Trưởng Điểm thi phân công 01 Thư ký Điểm thi làm nhiệm vụ thực hiện báo cáo số liệu trên hệ thống Quản lý thi. Trưởng điểm thi phân công các Thư ký Điểm thi kiểm tra số lượng thí sinh vắng thi tại phòng thi (15 phút sau khi tính giờ làm bài) và tổng hợp, nhập danh sách thí sinh vắng thi lên hệ thống Quản lý thi. Trong quá trình tổ chức thi, nếu có thí sinh bị xử lý vi phạm Quy chế thi, phải cập nhật ngay lên hệ thống Quản lý thi;

g) Tại các Điểm thi có thí sinh chỉ dự thi môn thi thứ nhất của Bài thi tự chọn Trường Điểm thi: bố trí phòng chờ ra để các thí sinh chỉ dự thi môn thi thứ nhất ngồi trong thời gian chờ đến hết giờ thi môn thi thứ hai; bố trí mỗi phòng chờ có tối thiểu 01 Giám thị hoặc Giám sát phòng thi để quản lý thí sinh;

h) Tại các Điểm thi có thí sinh chỉ dự thi môn thi thứ hai của Bài thi tự chọn Trường Điểm thi: bố trí phòng chờ vào để các thí sinh chỉ dự thi môn thi thứ hai đến ngồi trong thời gian chờ vào phòng thi; bố trí mỗi phòng chờ có tối thiểu 01 Giám thị hoặc Giám sát phòng thi để quản lý thí sinh; nhắc thí sinh về thời gian có mặt tại phòng thi để dự thi theo quy định.

2. Khi có hiệu lệnh, gọi thí sinh vào phòng thi:

a) Giám thị 1 gọi tên thí sinh vào phòng thi;

b) Giám thị 2 sử dụng Danh sách ảnh phòng thi để đối chiếu, nhận diện thí sinh, kiểm tra giấy tờ tùy thân của thí sinh; hướng dẫn thí sinh ngồi đúng chỗ quy định và kiểm tra các vật dụng thí sinh mang vào phòng thi, tuyệt đối không để thí sinh mang vào phòng thi các tài liệu và vật dụng bị cấm theo quy định tại Điều 21 Quy chế thi. Trong trường hợp thí sinh không mang giấy tờ tùy thân, báo với Trường Điểm thi để xử lý theo quy định.

3. Khi có hiệu lệnh, nhận đề thi:

a) Giám thị 1 đi nhận đề thi;

b) Giám thị 2 nhắc nhở thí sinh những điều cần thiết về quy định trong phòng thi; ghi rõ họ tên và ký tên vào các tờ giấy thi/Phiếu TLTN, giấy nháp đủ để phát cho thí sinh (không ký thừa); hướng dẫn và kiểm tra thí sinh gấp giấy thi đúng quy cách (đối với bài thi tự luận); hướng dẫn và kiểm tra thí sinh ghi số báo danh và điền đủ thông tin thí sinh vào các mục cần thiết của giấy thi/phiếu TLTN.

4. Chứng kiến và kiểm tra tình trạng niêm phong của các túi đề thi:

Tại phòng thi, Giám thị 1 giơ cao tất cả các túi đề thi (bao gồm các túi đề thi môn thi thứ 2 trong bài thi tự chọn) để thí sinh thấy rõ cả mặt trước và mặt sau còn nguyên nhãn niêm phong, yêu cầu hai thí sinh chứng kiến và ký vào biên bản xác nhận bì đề thi còn nguyên nhãn niêm phong.

5. Khi có hiệu lệnh phát đề thi:

a) Cả hai giám thị mở bì đựng đề thi, kiểm tra số lượng đề thi (nếu thừa, thiếu hoặc lẫn đề thi khác, cần báo ngay cho Trường Điểm thi xử lý);

b) Giám thị 1 phát đề thi cho từng thí sinh theo thứ tự từ trên xuống dưới, từ phải sang trái (tính từ bàn giáo viên nhìn xuống), đối với bài thi tự chọn phát lần lượt từng môn. Giám thị 2 quan sát bao quát phòng thi;

c) Khi nhận được đề thi, thí sinh phải để đề thi dưới tờ giấy làm bài/Phiếu TLTN, không được xem nội dung đề thi; khi thí sinh cuối cùng đã nhận được đề thi thì Giám thị mới cho thí sinh lật đề thi lên để kiểm tra tình trạng đề thi, môn thi/mã đề thi bảo đảm chính xác và ghi, tô mã đề thi vào Phiếu TLTN.

6. Khi có hiệu lệnh bắt đầu tính giờ làm bài:

a) Giám thị 1 đối chiếu ảnh trong Danh sách ảnh phòng thi với thí sinh và giấy tờ tùy thân của thí sinh để nhận diện thí sinh; ghi rõ họ tên và ký vào các tờ giấy thi, giấy nháp của thí sinh; kiểm tra và nhắc thí sinh việc ghi đầy đủ thông tin vào giấy thi, giấy nháp, đề thi; Giám thị 2 bao quát chung;

b) Trong giờ làm bài, một giám thị bao quát từ đầu phòng đến cuối phòng, giám thị còn lại bao quát từ cuối phòng đến đầu phòng cho đến hết giờ thi;

c) Giám thị không được đứng gần thí sinh, giúp đỡ thí sinh làm bài thi dưới bất kỳ hình thức nào; chỉ được trả lời công khai tại phòng thi các câu hỏi của thí sinh trong phạm vi quy định.

7. Khi có hiệu lệnh hết giờ làm bài, thu bài thi:

a) Giám thị 1: yêu cầu thí sinh ngừng làm bài ngay và tiến hành thu bài, kể cả bài thi của thí sinh đã bị lập biên bản; thực hiện thu bài thi, kiểm tra việc ghi số tờ giấy thi của thí sinh trên bài thi và sắp xếp bài thi theo thứ tự tăng dần của số báo danh trong phòng thi; khi nhận bài thi, phải đếm đủ số tờ giấy thi của từng bài, yêu cầu thí sinh tự ghi đúng số tờ giấy thi đã nộp và ký tên vào 02 (hai) Phiếu thu bài thi; đối với bài thi trắc nghiệm, cần kiểm tra số báo danh, mã đề thi để bảo đảm chính xác giữa phần ghi, phần tô trên phiếu TLTN với mã đề thi đã phát và trên Phiếu thu bài thi;

b) Giám thị 2: gọi từng thí sinh lên nộp bài thi và duy trì trật tự và kỷ luật phòng thi;

c) Đối với môn thi thứ 1 của bài thi tự chọn: ngay khi hết giờ làm bài, môn thi thứ 1 của bài thi tự chọn, Giám thị thu phiếu TLTN và xếp theo thứ tự tăng dần của số báo danh trong phòng thi, thu đề thi và giấy nháp của thí sinh; cho các thí sinh chỉ dự thi môn thi thứ 1 và không dự thi môn thi thứ 2 rời khỏi phòng thi và di chuyển về phòng chờ ra; gọi các thí sinh chỉ thi môn thi thứ 2 vào phòng thi; phát giấy nháp, phiếu TLTN của môn thi thứ 2; phát đề thi của môn thi tiếp theo lịch tổ chức thi. Các Phiếu TLTN thu về được niêm phong trong cùng 1 túi bài thi; giấy nháp và đề thi được niêm phong trong cùng 1 túi và được bảo quản tại phòng thi cho đến hết giờ làm bài môn thi thứ 2. Trên nhãn niêm phong phải có chữ ký của các giám thị trong phòng thi;

d) Sau khi hoàn thành việc thu bài thi môn Toán, Ngữ văn và môn thi thứ 2 trong bài thi tự chọn, các giám thị kiểm tra, xếp bài thi của từng thí sinh theo thứ tự tăng dần của số báo danh trong phòng thi và cho vào túi đựng bài thi rồi cho phép các thí sinh rời phòng thi. Giám thị 1 trực tiếp mang túi đựng bài thi, 02 (hai) Phiếu thu bài thi, các biên bản xử lý kỷ luật và tang vật kèm theo (nếu có) cùng Giám thị 2 đến bàn giao cho thư ký Điểm thi ngay sau mỗi buổi thi; khi bàn giao phải kiểm đếm công khai và đối chiếu số bài, số tờ của từng bài thi, Phiếu thu bài thi và các biên bản xử lý kỷ luật cùng tang vật kèm theo (nếu có).

8. Bàn giao bài thi cho Điểm thi:

a) Tại phòng trực của Điểm thi, giám thị của phòng thi tiến hành bàn giao bài thi cho Thư ký Điểm thi cùng với các hồ sơ coi thi của phòng thi; khi bàn giao phải kiểm đếm đủ số bài, số tờ bảo đảm khớp với phiếu thu bài thi trước khi tiến hành niêm phong túi bài thi; 01 Phiếu thu bài thi được để trong túi đựng bài thi, 01 Phiếu thu bài thi để bên ngoài và nộp cùng túi bài thi;

b) Kiểm đếm xong túi nào Thư ký Điểm thi cùng giám thị tại phòng thi đó tiến hành niêm phong túi bài thi đó, trên nhãn niêm phong có chữ ký của Thư ký trực tiếp kiểm đếm và Trưởng Điểm thi, hai Giám thị ký giáp lai giữa nhãn niêm phong và túi đựng bài thi rồi đóng dấu giáp lai nhãn niêm phong; sau đó, dùng băng keo trong suốt dán vòng quanh dọc theo chiều dài mép dán của túi đựng bài thi và phủ lên nhãn niêm phong. Bên ngoài túi bài thi phải ghi đầy đủ các thông tin sau: Hội đồng thi; Điểm thi; Phòng thi; Buổi thi (thời gian, ngày thi); Tên bài thi; Họ tên, chữ ký của 02 giám thị; Họ tên, chữ ký của Thư ký trực tiếp kiểm đếm bài thi và Trưởng Điểm thi;

c) Đối với buổi thi bài thi tự chọn, mỗi phòng thi có tối đa 02 túi bài thi, trong đó: 01 túi chứa các phiếu TLTN của các môn thi thứ 1 trong phòng thi và 01 túi chứa các phiếu TLTN của các môn thi thứ 2 trong phòng thi;

d) Thư ký Điểm thi và hai giám thị ghi rõ họ tên và ký vào biên bản bàn giao;

e) Sau khi hoàn thành việc thu bài thi tại Điểm thi, Trưởng Điểm thi chỉ đạo Thư ký Điểm thi sử dụng Phiếu thu bài thi để rà soát danh sách thí sinh vắng thi, danh sách thí sinh vi phạm kỷ luật trên hệ thống Quản lý thi và cập nhật, chỉnh sửa nếu phát hiện có sai sót.

2.5. Bảo quản bài thi, đề thi tại Điểm thi

1. Đề thi và bài thi phải được bảo quản trong các tủ riêng biệt. Tủ đựng đề thi, tủ đựng bài thi phải đảm bảo chắc chắn, phải được khóa và niêm phong (nhãn niêm phong phải có đủ chữ ký của Trưởng Điểm thi, thư ký Điểm thi và công an), chìa khóa do Trưởng Điểm thi giữ. Khi mở niêm phong phải có chứng kiến của những người ký nhãn niêm phong, lập biên bản ghi rõ thời gian mở, lý do mở, tình trạng niêm phong.

2. Khu vực bảo quản đề thi, bài thi của thí sinh có công an trực, bảo vệ liên tục 24 giờ/ngày và phải bảo đảm an toàn phòng chống cháy, nổ. Phòng bảo quản đề thi, bài thi phải bảo đảm an toàn, chắc chắn; có camera an ninh giám sát ghi hình các hoạt động tại phòng liên tục 24 giờ/ngày; có công an trực, bảo vệ liên tục 24 giờ/ngày; có một Phó Trưởng Điểm thi là người của trường không có thí sinh dự thi tại Điểm thi trực tại phòng trong suốt thời gian đề thi, bài thi được lưu tại Điểm thi. Riêng trong các ngày thi, thời gian trực tại phòng bảo quản đề thi, bài thi của Phó Trưởng Điểm thi được tính kể từ thời điểm kết thúc công việc của buổi thi cuối ngày thi trước đến thời điểm bắt đầu công việc buổi thi thứ nhất của ngày thi hôm sau.

a) Camera giám sát phòng bảo quản đề thi và bài thi phải bảo đảm: bao quát được toàn bộ các vật dụng chứa đề thi, bài thi trong phòng và các hành vi tác động đến vật dụng đó; lưu trữ được toàn bộ dữ liệu của quá trình bảo quản đề thi và bài thi

tại Điểm thi; hoạt động liên tục kể cả khi mất điện lưới. Hệ thống camera không được kết nối internet và chỉ được kết nối bằng hình thức hữu tuyến (có dây) tới màn hình hiển thị (nếu có). Hằng ngày, Trưởng Điểm thi phải phối hợp với lực lượng công an kiểm tra tình trạng hoạt động của camera. Trong trường hợp sử dụng hệ thống camera có màn hình hiển thị thì màn hình phải được đặt tại vị trí dễ quan sát và do lực lượng công an quản lý;

b) Thiết bị lưu trữ dữ liệu (ổ cứng/ thẻ nhớ) của camera phải được niêm phong ngay sau khi bài thi được chuyển khỏi phòng, dưới sự chứng kiến của Trưởng Điểm thi và công an. Thiết bị lưu trữ dữ liệu của camera sau khi niêm phong được bàn giao cho sở GDĐT hoặc cơ sở giáo dục nơi đặt Điểm thi để bảo quản, lưu giữ theo quy định của Quy chế thi.

3. Việc mở túi đề thi, phát đề thi cho thí sinh phải được thực hiện tại phòng thi đúng thời gian và đúng bài thi/môn thi theo quy định trong hướng dẫn tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm của Bộ GDĐT.

2.6. Trục thi và thông tin trong Kỳ thi

Tất cả các Điểm thi phải thực hiện nghiêm túc chế độ trục thi. Tại mỗi Điểm thi phải bố trí 01 (*một*) điện thoại cố định đặt tại phòng làm việc chung/phòng trục hoặc phòng được bố trí riêng bảo đảm an ninh, an toàn; ở những Điểm thi, nếu không thể bố trí được điện thoại cố định vì lý do bất khả kháng thì Phó Trưởng Điểm thi sở tại báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi để bố trí điện thoại di động không có chức năng ghi hình, không có thể nhớ, không có chức năng kết nối internet và được niêm phong khi không sử dụng. Chỉ sử dụng chức năng nghe/gọi của điện thoại để liên lạc với Hội đồng thi, Ban chỉ đạo thi các cấp; mọi liên lạc qua điện thoại đều phải bật loa ngoài và nghe công khai. Ở một số Điểm thi, trong trường hợp cần thiết, có thể bố trí 01 (*một*) máy tính tại phòng trục của Điểm thi và bảo đảm máy tính chỉ được nối mạng internet khi chuyển báo cáo nhanh cho Hội đồng thi (*bộ phận trục thi*). Quá trình sử dụng điện thoại, máy tính đều phải ghi nhật ký và có sự chứng kiến, xác nhận của cán bộ làm nhiệm vụ thanh tra tại Điểm thi.

Các Điểm thi phải thực hiện việc báo cáo nghiêm túc, chính xác, kịp thời các thông tin trong *Báo cáo nhanh coi thi (theo mẫu quy định)*, báo cáo nhanh được thực hiện theo thứ tự các buổi thi (từ buổi thi 1 đến buổi thi 4) trước khi kết thúc buổi thi 15 phút về các số máy điện thoại trục thi đồng thời báo cáo về Ban Chỉ đạo thi của xã/phường nơi điểm thi đóng.

Ngoài những lần báo cáo trên, nếu có tình hình đặc biệt, sự cố bất thường trong các ngày thi, Trưởng Điểm thi phải báo cáo ngay về các số máy điện thoại của Giám đốc Sở: 0913698389; Phó Giám đốc Sở phụ trách thi: 0914564955; Trưởng phòng QLCL: 0913062174 và báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo thi (*cấp xã/phường*) tại địa bàn.

Trưởng phòng Văn hóa xã hội các xã/phường nơi có đặt Điểm thi phối hợp với các trường THPT, TTGDTX trên địa bàn tham mưu UBND xã/phường thành lập Ban Chỉ đạo thi cấp xã/phường.

Trong quá trình chuẩn bị và tổ chức thực hiện kỳ thi, các đơn vị phải tham mưu, đề xuất, thông tin kịp thời với Ban Chỉ đạo thi cấp xã/phường; phối hợp tốt với các phòng Văn hóa xã hội xã/phường chỉ đạo thực hiện kỳ thi an toàn, nghiêm túc và đúng Quy chế thi.

2.7. Nộp bài thi, hồ sơ thi

Địa điểm nộp bài thi, hồ sơ thi: Trường THPT Lê Viết Thuật.

Thời gian: **từ 14 giờ 00 đến 22 giờ 00, ngày 12/6/2026.**

Việc giao nộp bài thi, hồ sơ thi từ các Điểm thi để giao cho Ban Thư ký Hội đồng thi phải được thực hiện ngay sau buổi thi cuối cùng của Kỳ thi.

Trưởng Điểm thi (*hoặc Phó Trưởng điểm thi được Trưởng Điểm thi ủy quyền*) chịu trách nhiệm nộp bài thi, hồ sơ thi. Khi đi nộp bài thi, hồ sơ coi thi phải bằng phương tiện ô tô và có công an áp tải và bảo vệ. Khi bàn giao bài thi phải kiểm tra niêm phong và lập biên bản có đầy đủ chữ ký của những người tham gia bàn giao.

Để việc giao, nhận bài thi, hồ sơ thi tại điểm giao nhận được thuận tiện, lưu ý các Trưởng Điểm thi:

- Bài thi môn Ngữ văn và bài thi môn trắc nghiệm để riêng. Khi nộp, phải nộp riêng từng loại bài thi đó.

- Trong hồ sơ thi cần phân từng loại (*danh sách thí sinh dự thi, biên bản, danh sách đề nghị đặc cách, ...*). Từng loại hồ sơ trên được bỏ vào từng túi và ghi rõ các thông tin liên quan ở mặt ngoài của túi đó.

3. Làm phách bài thi tự luận, chấm thi, phúc khảo, duyệt kết quả thi

3.1. Làm phách bài thi tự luận:

Thời gian làm việc: Từ 14 giờ 00, ngày 13/6/2026 đến khi kết thúc chấm thi tự luận.

3.2. Chấm thi:

Địa điểm: Trường THPT Lê Viết Thuật.

Thời gian: từ 15/6/2026 đến 26/6/2026.

3.3. Thông báo kết quả thi và duyệt xét công nhận tốt nghiệp THPT

- Ngày 01/7/2026 (8h00): công bố kết quả thi

- Duyệt xét công nhận tốt nghiệp THPT, báo cáo và nộp dữ liệu điểm bài thi về Bộ GDĐT, dự kiến ngày từ 01/7/2026 đến ngày 03/7/2026.

3.4. Phúc khảo bài thi

- Thời gian nhận đơn phúc khảo: từ ngày 01/7/2026 đến 05/7/2026

- Rút bài phúc khảo: dự kiến từ ngày 07/7/2026 đến 09/7/2026.

- Làm phách bài phúc khảo: dự kiến từ ngày 10/7/2026 đến 13/7/2026.

3.5. Chấm phúc khảo:

- Địa điểm: Trường THPT Lê Viết Thuật.

- Thời gian: dự kiến từ 11/7/2026 đến 13/7/2026.

3.6. Thông báo kết quả phúc khảo, duyệt xét công nhận tốt nghiệp sau phúc khảo:

- Ngày 14/7/2026: công bố kết quả phúc khảo;
- Duyệt xét công nhận tốt nghiệp THPT sau phúc khảo chậm nhất ngày 22/7/2026.

4. Kinh phí tổ chức Kỳ thi: Sở sẽ có công văn hướng dẫn cụ thể.

5. Văn phòng phẩm, cơ sở vật chất, thiết bị,... phục vụ kỳ thi

Để sử dụng thống nhất mẫu giấy thi, giấy nháp, túi đựng hồ sơ dự thi, các biểu mẫu, nhãn niêm phong... phục vụ kỳ thi, các đơn vị liên hệ với Công ty Sách và Thiết bị giáo dục Nghệ An; đối với Phiếu trả lời trắc nghiệm, Sở sẽ giao cùng đề thi cho các Điểm thi.

Lưu ý: những người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh ruột, chị ruột, em ruột; cha, mẹ, anh ruột, chị ruột, em ruột của vợ hoặc chồng; người giám hộ; người được giám hộ (gọi chung là người thân) dự thi trong năm tổ chức kỳ thi không được tham gia tổ chức thi tại địa phương nơi có người thân dự thi.

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện những hướng dẫn trong Công văn này. Nếu có vướng mắc hoặc đề xuất cần phản ánh ngay về Phòng Quản lý chất lượng - Sở Giáo dục và Đào tạo, điện thoại: 0913062174; 0919563186; 0912501129; 0983502357 Email:

phongtkd.songhean@moet.edu.vn để được xem xét, điều chỉnh, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để t/h);
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Tỉnh ủy, UBND tỉnh (để b/c);
- Các thành viên BCD thi tỉnh (để c/đ, t/h);
- Giám đốc, các PGĐ Sở (để c/đ, t/h);
- UBND các xã/phường (để c/đ,t/h);
- Các phòng, ban liên quan thuộc Sở (để t/h);
- Lưu: VT, QLCL.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Khoa

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC ĐIỂM TIẾP NHẬN
(Kèm theo Công văn số /SGD&ĐT-QLCL ngày /4/2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Mã ĐTN(*)	Tên ĐTN(*)	Tên đăng nhập(*)
1	003	THPT Huỳnh Thúc Kháng	dtn_40_003
2	004	THPT Hà Huy Tập	dtn_40_004
3	005	THPT Lê Viết Thuật	dtn_40_005
4	006	THPT Nguyễn Trường Tộ - Vinh	dtn_40_006
5	007	THPT Chuyên Phan Bội Châu	dtn_40_007
6	008	THPT Chuyên - Đại học Vinh	dtn_40_008
7	010	PTTH Dân tộc nội trú	dtn_40_010
8	011	THPT Nguyễn Huệ	dtn_40_011
9	012	PT Hermann Gmeiner Vinh	dtn_40_012
10	013	PT năng khiếu TDTT Nghệ An	dtn_40_013
11	014	PT Dân tộc nội trú THPT số 2	dtn_40_014
12	015	THPT Nguyễn Trãi	dtn_40_015
13	016	Trung tâm GDNN - GDTX TP Vinh	dtn_40_016
14	017	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	dtn_40_017
15	018	THPT Cửa Lò	dtn_40_018
16	019	THPT Cửa Lò 2	dtn_40_019
17	020	Trung tâm GDTX Số 2	dtn_40_020
18	021	THPT Quỳnh Châu	dtn_40_021
19	023	Trung tâm GDNN- GDTX Quỳnh Châu	dtn_40_023
20	024	THPT Quỳnh Hợp	dtn_40_024
21	025	THPT Quỳnh Hợp 3	dtn_40_025
22	026	Trung tâm GDNN-GDTX Quỳnh Hợp	dtn_40_026
23	027	THPT 1-5	dtn_40_027
24	028	THPT Cờ Đỏ	dtn_40_028
25	029	Trung tâm GDNN-GDTX Nghĩa Đàn	dtn_40_029
26	030	THPT Quỳnh Lưu 1	dtn_40_030
27	031	THPT Quỳnh Lưu 2	dtn_40_031
28	032	THPT Quỳnh Lưu 3	dtn_40_032
29	033	THPT Quỳnh Lưu 4	dtn_40_033
30	034	THPT Nguyễn Đức Mậu	dtn_40_034
31	035	THPT Cù Chính Lan	dtn_40_035
32	036	THPT Lý Tự Trọng	dtn_40_036
33	037	Trung tâm GDNN - GDTX Quỳnh Lưu	dtn_40_037
34	038	THPT Kỳ Sơn	dtn_40_038

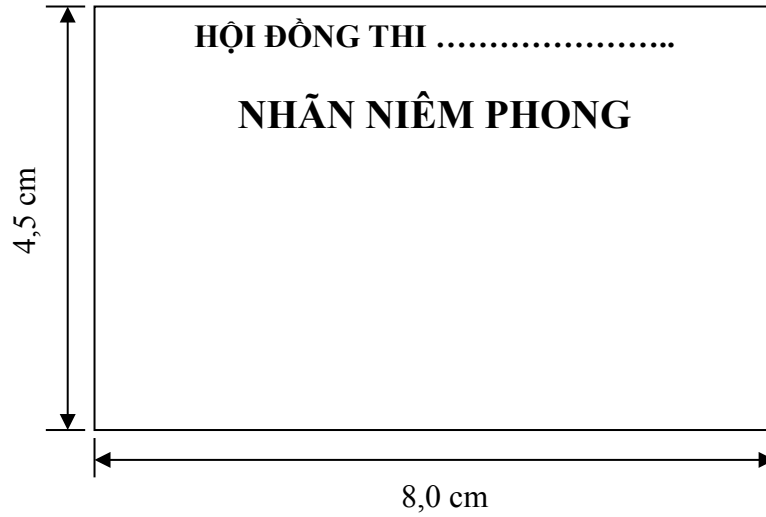
35	039	Trung tâm GDNN-GDTX Kỳ Sơn	dtn_40_039
36	040	THPT Tương Dương 1	dtn_40_040
37	041	THPT Tương Dương 2	dtn_40_041
38	042	Trung tâm GDNN-GDTX Tương Dương	dtn_40_042
39	043	THPT Con Cuông	dtn_40_043
40	044	THPT Mùong Quạ	dtn_40_044
41	045	Trung tâm GDNN-GDTX Con Cuông	dtn_40_045
42	046	THPT Tân Kỳ	dtn_40_046
43	047	THPT Lê Lợi	dtn_40_047
44	048	THPT Tân Kỳ 3	dtn_40_048
45	049	Trung tâm GDNN-GDTX Tân Kỳ	dtn_40_049
46	050	THPT Yên Thành 2	dtn_40_050
47	051	THPT Phan Thúc Trục	dtn_40_051
48	052	THPT Bắc Yên Thành	dtn_40_052
49	053	THPT Lê Doãn Nhã	dtn_40_053
50	054	THPT Yên Thành 3	dtn_40_054
51	055	THPT Phan Đăng Lưu	dtn_40_055
52	056	THPT Trần Đình Phong	dtn_40_056
53	057	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Thành	dtn_40_057
54	058	THPT Nam Yên Thành	dtn_40_058
55	059	THPT Diễn Châu 2	dtn_40_059
56	060	THPT Diễn Châu 3	dtn_40_060
57	061	THPT Diễn Châu 4	dtn_40_061
58	062	THPT Nguyễn Văn Tố	dtn_40_062
59	063	THPT Ngô Trí Hoà	dtn_40_063
60	064	THPT Nguyễn Xuân Ôn	dtn_40_064
61	065	THPT Diễn Châu 5	dtn_40_065
62	066	THPT Quang Trung	dtn_40_066
63	067	Trung tâm GDNN- GDTX Diễn Châu	dtn_40_067
64	068	THPT Nguyễn Du	dtn_40_068
65	069	THPT Anh Sơn 3	dtn_40_069
66	070	THPT Anh Sơn 1	dtn_40_070
67	071	THPT Anh Sơn 2	dtn_40_071
68	072	Trung tâm GDNN-GDTX Anh Sơn	dtn_40_072
69	073	THPT Đô Lương 3	dtn_40_073
70	074	THPT Đô Lương 1	dtn_40_074
71	075	THPT Đô Lương 2	dtn_40_075
72	076	THPT Duy Tân	dtn_40_076
73	077	Trung tâm GDNN - GDTX Đô	dtn_40_077

		Lương	
74	078	THPT Đô Lương 4	dtn_40_078
75	079	THPT Thanh Chương 3	dtn_40_079
76	080	THPT Nguyễn Sỹ Sách	dtn_40_080
77	081	THPT Đặng Thúc Hứa	dtn_40_081
78	082	THPT Nguyễn Cảnh Chân	dtn_40_082
79	083	THPT Thanh Chương 1	dtn_40_083
80	084	THPT Đặng Thai Mai	dtn_40_084
81	085	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Chương	dtn_40_085
82	086	THPT Cát Ngạn	dtn_40_086
83	087	THPT Nghi Lộc 3	dtn_40_087
84	088	THPT Nguyễn Duy Trinh	dtn_40_088
85	089	THPT Nghi Lộc 2	dtn_40_089
86	090	THPT Nguyễn Thúc Tụ	dtn_40_090
87	091	THPT Nghi Lộc 4	dtn_40_091
88	092	Trung tâm GDNN - GDTX Nghi Lộc	dtn_40_092
89	093	THPT Nghi Lộc 5	dtn_40_093
90	094	THPT Nam Đàn 1	dtn_40_094
91	095	THPT Nam Đàn 2	dtn_40_095
92	096	THPT Kim Liên	dtn_40_096
93	097	THPT Sào Nam	dtn_40_097
94	098	Trung tâm GDNN-GDTX Nam Đàn	dtn_40_098
95	099	THPT Mai Hắc Đế	dtn_40_099
96	100	THPT Lê Hồng Phong	dtn_40_100
97	101	THPT Phạm Hồng Thái	dtn_40_101
98	102	THPT Thái Lão	dtn_40_102
99	103	THPT Đinh Bạt Tụy	dtn_40_103
100	104	Trung tâm GDNN-GDTX Hưng Nguyên	dtn_40_104
101	105	THPT Nguyễn Trường Tộ	dtn_40_105
102	106	THPT Quế Phong	dtn_40_106
103	107	Trung tâm GDNN-GDTX Quế Phong	dtn_40_107
104	108	THPT Đông Hiếu	dtn_40_108
105	109	THPT Thái Hoà	dtn_40_109
106	110	THPT Tây Hiếu	dtn_40_110
107	111	Trung tâm GDNN - GDTX Thái Hòa	dtn_40_111
108	112	THPT Hoàng Mai	dtn_40_112
109	146	THPT Hoàng Mai 2	dtn_40_146
110	147	THPT Quỳnh Hợp 2	dtn_40_147

111	148	PT CLC Phương Hoàng	dtn_40_148
112	149	Trung tâm GDNN- GDTX số 1	dtn_40_149
113	150	Cao đẳng FPT Polytecchnic	dtn_40_150
114	902	THPT Huỳnh Thúc Kháng (TS tự do)	dtn_40_902
115	903	THPT Cửa Lò (TS tự do)	dtn_40_903
116	904	THPT Quỳnh Châu (TS tự do)	dtn_40_904
117	905	THPT Quỳnh Hợp (TS tự do)	dtn_40_905
118	906	THPT 1-5 (TS tự do)	dtn_40_906
119	907	THPT Quỳnh Lưu 1 (TS tự do)	dtn_40_907
120	908	THPT Kỳ Sơn (TS tự do)	dtn_40_908
121	909	THPT Tương Dương 1 (TS tự do)	dtn_40_909
122	910	THPT Con Cuông (TS tự do)	dtn_40_910
123	911	THPT Tân Kỳ (TS tự do)	dtn_40_911
124	912	THPT Phan Đăng Lưu (TS tự do)	dtn_40_912
125	913	THPT Nguyễn Xuân Ôn (TS tự do)	dtn_40_913
126	914	THPT Anh Sơn 1 (TS tự do)	dtn_40_914
127	915	THPT Đô Lương 1 (TS tự do)	dtn_40_915
128	916	THPT Thanh Chương 1 (TS tự do)	dtn_40_916
129	917	THPT Nguyễn Duy Trinh (TS tự do)	dtn_40_917
130	918	THPT Nam Đàn 1 (TS tự do)	dtn_40_918
131	919	THPT Thái Lão (TS tự do)	dtn_40_919
132	920	THPT Quế Phong (TS tự do)	dtn_40_920
133	921	THPT Thái Hòa (TS tự do)	dtn_40_921
134	922	THPT Hoàng Mai (TS tự do)	dtn_40_922
135	923	Sở GD&ĐT (TS tự do)	dtn_40_923
136	924	THPT Đặng Thúc Hứa (TS Tự do)	dtn_40_924
137	925	THPT Thanh Chương 3 (TS tự do)	dtn_40_925

Phụ lục II
MẪU NHÃN NIÊM PHONG
*(Kèm theo Công văn số 1257/BGDĐT-QLCL ngày 19/3/2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

- Nội dung, kích thước ghi trên hình dưới đây:



- Loại giấy pelure, mỏng, độ bám dính cao, khi bóc ra là rách

Phụ lục III
MẪU ĐĂNG KÝ CHỮ KÝ
(Kèm theo Công văn số 1257/BGDĐT-QLCL ngày 19/3/2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

MẪU SỐ 1

KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM
HỘI ĐỒNG THI

ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ
NHỮNG NGƯỜI THAM GIA CÔNG TÁC COI THI

Mã Điểm thi:..... Tên Điểm thi:.....

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ được giao (*)	Mẫu chữ ký (lần 1)	Mẫu chữ ký (lần 2)

THƯ KÝ ĐIỂM THI
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
 TRƯỞNG ĐIỂM THI
(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú: (*) Nhiệm vụ được giao ghi rõ là Trưởng Điểm thi, Phó Trưởng Điểm thi, Thư ký, CBCT/CBGS,...

KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM
HỘI ĐỒNG THI

ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ
NHỮNG NGƯỜI THAM GIA CÔNG TÁC CHẤM THI

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ được giao (**)	Mẫu chữ ký (lần 1)	Mẫu chữ ký (lần 2)

THƯ KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
TRƯỞNG BAN

(Ghi rõ họ tên, ký và đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Mỗi Ban Chấm thi (Tự luận/Trắc nghiệm) lập 01 Danh sách;

(**) Nhiệm vụ được giao ghi rõ là Trưởng/Phó Trưởng ban Chấm thi (TL/TN), Trưởng môn chấm thi, Phó trưởng môn chấm thi, Tổ trưởng Tổ chấm thi, Cán bộ chấm thi, Thư ký, Tổ trưởng Tổ thư ký, Tổ trưởng Tổ chấm BTTN, kỹ thuật, Tổ trưởng Tổ Giám sát, Cán bộ giám sát.

Phụ lục IV MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỐ GDĐT.....MÃ SỐ:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

Số phiếu:

Trước khi kê khai Phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT), thí sinh cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu phục vụ ĐKDT (bản in và bản điện tử, file ảnh), phải đọc kỹ các mục và HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU, những điểm chưa rõ thí sinh có thể hỏi cán bộ tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)

Ngày Tháng Năm

3. Dân tộc (Ghi bằng chữ):..... Quốc tịch nước ngoài (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng)

4. Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân (Ghi mỗi chữ số vào một ô)

5. Nơi thường trú: Mã tỉnh (Tp) Mã xã (phường) Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), xã (phường) vào dòng trống sau:

6. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi tên trường, tỉnh (thành phố) và ghi mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10:.....

Năm lớp 11:.....

Năm lớp 12:.....

Tên lớp 12:.....

Mã Tỉnh Mã Trường

7. Điện thoại: Email:

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:.....

B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THI

9. Thí sinh học chương trình GDPT

Thí sinh học chương trình GDTX

10. Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT ⁽¹⁾

Thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT ⁽²⁾

11. Dự thi tại Hội đồng thi:..... Mã hội đồng

12. Nơi ĐKDT:..... Mã đơn vị ĐKDT

13. Đăng ký môn thi (Thí sinh đăng ký dự thi môn nào thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng, riêng đối với môn Ngoại ngữ, thí sinh điền vào ô trống mã tương ứng với ngôn ngữ lựa chọn, cụ thể như sau: N1 – Tiếng Anh; N2 – Tiếng Nga; N3 – Tiếng Pháp; N4 – Tiếng Trung Quốc; N5 – Tiếng Đức; N6 – Tiếng Nhật; N7 – Tiếng Hàn).

Toán Vật lí Sinh học Địa lí Giáo dục kinh tế và pháp luật Công nghệ Nông nghiệp

Ngữ văn Hoá học Lịch sử Tin học Công nghệ Công nghiệp Ngoại ngữ

14. Đăng ký miễn thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT hoặc đăng ký để xét tuyển sinh: (Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi) :..... Điểm thi (Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm vào ô này):

15. Đăng ký miễn thi môn Ngữ văn trong xét công nhận tốt nghiệp THPT: (Thí sinh là người nước ngoài có chứng chỉ tiếng Việt đủ điều kiện theo quy định để được miễn thi, thí sinh ghi rõ bậc trên chứng chỉ vào ô này):

16. Đăng ký môn thi xin bảo lưu (Thí sinh ghi rõ điểm môn thi xin được bảo lưu vào ô tương ứng):

Toán Vật lí Sinh học Địa lí Giáo dục kinh tế và pháp luật Công nghệ Nông nghiệp

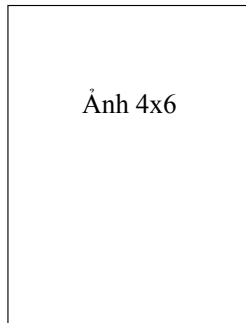
Ngữ văn Hoá học Lịch sử Tin học Công nghệ Công nghiệp Ngoại ngữ

CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày tháng năm 20.....

Thí sinh ký và ghi rõ họ tên



Xác nhận người khai phiếu này đang học lớp.....

trường.....

Hoặc đang cư trú ở xã, phường.....

tỉnh.....

Hiệu trưởng các trường nơi HS đang học hoặc Công an xã, phường nơi thí sinh tự do đang cư trú tại địa phương ký tên và đóng dấu (chỉ đóng một dấu có phân giáp lại trên ảnh)

Ngày tháng năm 20.....

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Người đã học xong chương trình cấp THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
(2) Người đã có bằng tốt nghiệp THPT, có bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Trước khi khai phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT), thí sinh phải đọc kỹ các mục và bản **HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU**, những điểm nào chưa rõ thí sinh phải hỏi người tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn đầy đủ. Thí sinh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin khai trong Phiếu ĐKDT.

- Thí sinh ĐKDT trực tuyến theo quy định và nộp hồ sơ minh chứng hưởng ưu tiên cho điểm tiếp nhận hồ sơ. Sau khi hoàn thành rà soát, điểm tiếp nhận hồ sơ in Phiếu ĐKDT và ký tên, đóng dấu và trả 01 bản cho thí sinh.

- Trường hợp thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp phải khai thông tin giống nhau ở trên bì đựng Phiếu ĐKDT và Phiếu ĐKDT (bản giao lại cho thí sinh) rồi nộp cho nơi tiếp nhận đăng hồ sơ kèm theo 2 ảnh cỡ 4x6 kiểu Thẻ Căn cước/Căn cước công dân (có ghi rõ họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, vào mặt sau tấm ảnh, 2 ảnh này đựng trong một phong bì nhỏ). Riêng đối với thí sinh thuộc điểm b, c, d khoản 1 Điều 19 của Quy chế thi phải nộp bổ sung bản sao (photocopy) 2 mặt Thẻ Căn cước/Căn cước công dân trên 1 mặt của tờ giấy A4. Bên ngoài bì đựng Phiếu ĐKDT phải được Công an xã/phường nơi thí sinh đang cư trú ký tên và đóng một dấu để xác nhận nhân thân thí sinh.

- Thí sinh lưu giữ Phiếu ĐKDT được bàn giao lại để nhận Giấy báo thi, Giấy chứng nhận kết quả thi. Trong trường hợp có những sai sót thông tin đăng ký dự thi hoặc bị thất lạc Giấy báo thi thí sinh đem Phiếu ĐKDT này trực tiếp tới Điểm thi vào buổi tập trung phổ biến quy chế để đề nghị sửa chữa sai sót và làm thủ tục dự thi.

SỐ GDĐT.....MÃ SỐ:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Giao lại cho thí sinh)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPTSố phiếu:

Trước khi kê khai Phiếu đăng ký dự thi (ĐKDT), thí sinh cần chuẩn bị đầy đủ tài liệu phục vụ ĐKDT (bản in và bản điện tử, file ảnh), phải đọc kỹ các mục và HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU, những điểm chưa rõ thí sinh có thể hỏi cán bộ tiếp nhận ĐKDT để được hướng dẫn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở đầu)

Ngày Tháng Năm 3. Dân tộc (Ghi bằng chữ):..... Quốc tịch nước ngoài (Đánh dấu "X" vào ô tương ứng)

4. Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân (Ghi mỗi chữ số vào một ô)

5. Nơi thường trú:

Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), xã (phường) vào dòng trống sau:

Mã tỉnh (Tp)

Mã xã (phường)

6. Nơi học THPT hoặc tương đương (Ghi tên trường và nơi trường đóng: tỉnh (thành phố) và ghi mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10:.....

Năm lớp 11:.....

Năm lớp 12:.....

Tên lớp 12:.....

<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

Mã Tỉnh Mã Trường

7. Điện thoại:..... Email:.....

8. Họ tên, điện thoại và địa chỉ người liên hệ:.....

B. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THI9. Thí sinh học chương trình GDPT Thí sinh học chương trình GDTX 10. Thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT ⁽¹⁾ Thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT ⁽²⁾ 11. Dự thi tại Hội đồng thi:..... Mã hội đồng 12. Nơi ĐKDT:..... Mã đơn vị ĐKDT

13. Đăng ký môn thi (Thí sinh đăng ký dự thi môn nào thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng, riêng đối với môn Ngoại ngữ, thí sinh điền vào ô trống mã tương ứng với ngôn ngữ lựa chọn, cụ thể như sau: N1 – Tiếng Anh; N2 – Tiếng Nga; N3 – Tiếng Pháp; N4 – Tiếng Trung Quốc; N5 – Tiếng Đức; N6 – Tiếng Nhật; N7 – Tiếng Hàn).

Toán Vật lí Sinh học Địa lí Giáo dục kinh tế và pháp luật Công nghệ Nông nghiệp
 Ngữ Văn Hoá học Lịch sử Tin học Công nghệ Công nghiệp Ngoại ngữ

14. Đăng ký miễn thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT: (Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi) :..... Điểm thi (Nếu Chứng chỉ có điểm thi, thí sinh ghi điểm vào ô này):

15. Đăng ký miễn thi môn Ngữ văn trong xét công nhận tốt nghiệp THPT: (Thí sinh là người nước ngoài có chứng chỉ tiếng Việt đủ điều kiện theo quy định để được miễn thi, thí sinh ghi rõ bậc trên chứng chỉ vào ô này):

16. Đăng ký môn thi xin bảo lưu (Thí sinh ghi rõ điểm môn thi xin được bảo lưu vào ô tương ứng):

Toán Vật lí Sinh học Địa lí Giáo dục kinh tế và pháp luật Công nghệ Nông nghiệp
 Ngữ Văn Hoá học Lịch sử Tin học Công nghệ Công nghiệp Ngoại ngữ

C. CAM ĐOAN VÀ XÁC NHẬN

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Phiếu ĐKDT này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ngày tháng năm 20.....

Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

Ngày tháng năm 20.....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ DỰ THI

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Người đã học xong chương trình cấp THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước;
 (2) Người đã có bằng tốt nghiệp THPT, có bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh.

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT

Mục SỞ GDĐT..... MÃ SỐ: Thí sinh đăng ký tại đơn vị đăng ký dự thi thuộc Sở GDĐT nào thì ghi tên Sở GDĐT vào vị trí trống, sau đó điền 2 chữ số biểu thị mã Sở GDĐT vào 2 ô trống tiếp theo, mã Sở GDĐT do Bộ GDĐT quy định.

Mục Số phiếu: Nơi tiếp nhận đăng ký dự thi ghi, thí sinh không ghi mục này.

Mục 1, 2: Ghi theo hướng dẫn trên Phiếu đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (sau đây gọi tắt là Phiếu ĐKDT).

Mục 3: Dân tộc ghi đúng theo giấy khai sinh; **Quốc tịch nước ngoài** thì đánh dấu (X) vào ô bên cạnh.

Mục 4: Số Thẻ Căn cước, Căn cước công dân, mã số định danh cá nhân và số Hộ chiếu được viết chung là Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân tại mục này.

Mục 5: Mã tỉnh/thành phố và mã xã/phường theo Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Thí sinh cần tra cứu tại nơi đăng ký dự thi để ghi đúng mã tỉnh/thành phố, mã xã/phường nơi thí sinh có nơi thường trú hiện tại vào các ô tương ứng ở bên phải. Sau khi điền đủ các mã đơn vị hành chính vào các ô, thí sinh ghi rõ tên xã/phường, tỉnh/thành phố vào dòng trống.

Mục 6: Ghi tên trường và xã/phường, tỉnh/thành phố của trường vào dòng kẻ chấm. Ghi mã tỉnh nơi trường đóng vào 2 ô đầu, ghi mã trường vào 3 ô tiếp theo (mã trường ghi theo quy định của Sở GDĐT, nếu mã trường có 1 chữ số thì 2 ô đầu tiên ghi số 0, nếu mã trường có 2 chữ số thì ô đầu tiên ghi số 0). Đối với thí sinh là công an, quân nhân được cử tham gia dự thi để xét tuyển ĐH, CĐSP thì ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng với tỉnh nơi đóng quân và mã trường THPT là 900. Đối với thí sinh có thời gian học ở nước ngoài thì những năm học ở nước ngoài ghi mã tỉnh/thành phố tương ứng với tỉnh/thành phố theo nơi thường trú tại Việt Nam và mã trường THPT là 800. Mục tên lớp: ghi rõ tên lớp 12 nơi học sinh đang học (ví dụ 12A1, 12A2,...), đối với thí sinh tự do ghi "TDO".

Mục 7: Ghi rõ điện thoại, email.

Mục 8: Thí sinh phải ghi rõ thông tin của người liên hệ: họ tên; số điện thoại; địa chỉ xóm (số nhà), thôn (đường phố, ngõ ngách), xã/phường, tỉnh/thành phố.

Mục 9: Thí sinh bắt buộc phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để biểu thị rõ thí sinh học theo chương trình GDPT hay chương trình GDTX cấp THPT.

Mục 10: Đối với thí sinh tự do phải đánh dấu (X) vào một trong 2 ô để phân biệt rõ là thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT hay đã tốt nghiệp THPT (tính đến thời điểm dự thi).

Mục 11: Thí sinh đăng ký dự thi tại Hội đồng thi nào thì ghi tên Hội đồng thi và mã Hội đồng thi do Bộ GDĐT quy định vào vị trí tương ứng.

Mục 12: Học sinh đang học lớp 12 THPT tại trường nào thì nộp ĐKDT tại trường đó. Các đối tượng khác nộp ĐKDT tại các địa điểm do Sở GDĐT quy định. Mã đơn vị ĐKDT ghi theo hướng dẫn của nơi nhận ĐKDT.

Mục 13: Đối với thí sinh hiện đang là học sinh lớp 12 (chưa tốt nghiệp THPT) phải dự thi Toán, Ngữ văn và 02 môn thi đã được học ở lớp 12 trong số các môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ Công nghiệp, Công nghệ Nông nghiệp, Ngoại ngữ. Trường hợp thí sinh tự do chưa tốt nghiệp THPT có những môn thi (để xét công nhận tốt nghiệp THPT) năm trước đủ điều kiện bảo lưu, nếu muốn bảo lưu môn thi nào thì phải ghi điểm môn thi đó ở **Mục 16**.

Mục 14: Đối với thí sinh có nguyện vọng miễn thi môn Ngoại ngữ, cần ghi rõ loại chứng chỉ đủ điều kiện miễn thi hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ theo quy định của Bộ GDĐT. Đối với loại chứng chỉ có ghi điểm thi (điểm toàn bài thi), thí sinh phải ghi điểm vào ô "**Điểm thi**".

Ví dụ: 14. Đăng ký miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT : (Thí sinh ghi loại chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện theo quy định hoặc ghi rõ là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Ngoại ngữ để được miễn thi): TOEFL ITP **Điểm thi**

450

Mục 15: Đối với thí sinh là người nước ngoài có nguyện vọng miễn thi môn Ngữ văn, cần ghi rõ mức điểm toàn bài đạt được, bậc đạt được (nếu có).

Mục 16: Thí sinh đã dự thi THPT năm trước, nếu có những môn thi đủ điều kiện bảo lưu theo quy định, thí sinh muốn bảo lưu điểm của môn thi nào thì ghi điểm môn thi đó vào ô tương ứng./.

Phụ lục V
MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2026/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 3 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GDĐT.....MÃ SỐ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT**

(Thí sinh dự thi chỉ để lấy kết quả xét tuyển sinh thì KHÔNG PHẢI khai Phiếu này;
Thí sinh nộp Phiếu này tại nơi nộp Phiếu đăng ký dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT)

A. THÔNG TIN CHUNG**1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** *(Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*.....Giới *(Nữ ghi 1, Nam ghi 0)* **2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh***(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu)*

Ngày Tháng Năm

3. Dân tộc *(Ghi bằng chữ)*:..... **Quốc tịch nước ngoài** *(Đánh dấu "X" vào ô tương ứng)* **4. Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân** *(Ghi mỗi chữ số vào một ô)* **5. Thí sinh tự do** *(Đánh dấu "X" vào ô tương ứng)* **B. THÔNG TIN ĐỂ XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT****6. Kết quả kết quả rèn luyện ở lớp 12:****7. Kết quả kết học tập ở lớp 12:****8. Điểm trung bình năm học:** **Lớp 10** **Lớp 11** **Lớp 12** **9. Đối tượng miễn thi tốt nghiệp:** *(Đánh dấu "X" vào ô tương ứng)* **10. Điểm khuyến khích được cộng thêm:**

- Đạt giải trong các kỳ thi (chọn giải cao nhất) do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn khác từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT, gồm:

+ Thi học sinh giỏi các môn văn hoá: giải, điểm cộng:.....;

+ Thi thí nghiệm thực hành (Vật lí, Hoá học, Sinh học), thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế: giải, điểm cộng:.....

11. Diện ưu tiên xét tốt nghiệp *(Ghi ký hiệu theo diện trong hướng dẫn)*: **C. HỒ SƠ KÈM THEO**1. Học bạ:..... Có không 2. Giấy khai sinh *(bản sao)*:..... Có không 3. Chứng nhận miễn thi tốt nghiệp:..... Có không 4. Chứng chỉ để miễn thi Ngoại ngữ:..... Có không 5. Chứng chỉ để miễn thi Ngữ văn:..... Có không 6. Giấy chứng nhận đạt giải trong các kỳ thi:..... Có không 7. Giấy xác nhận điểm bảo lưu:..... Có không

8. Giấy tờ khác (nếu có):.....

D. CAM ĐOAN

Tôi cam đoan những lời khai trong Phiếu đăng ký xét công nhận tốt nghiệp THPT này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành.

Ghi chú: Sau ngày thi, mọi yêu cầu sửa đổi bổ sung nội dung lời khai sẽ không được chấp nhận.

Ngày tháng năm

Thí sinh ký và ghi rõ họ tên

Ngày tháng năm

Người nhận

(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

.....

Ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐKĐT

(Ký tên và đóng dấu)

.....

.....

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

I. DIỆN ƯU TIÊN XÉT TỐT NGHIỆP THPT

Thí sinh thuộc một trong các diện:

1. Diện 1: Không được cộng điểm ưu tiên.

Còn gọi là diện bình thường.

Ký hiệu: D1

2. Diện 2: Cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh suy giảm khả năng lao động dưới 81% (chỉ với GDTX); Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động.

Ký hiệu: D2-TB2

- Con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động, con Bà mẹ VN anh hùng.

Ký hiệu: D2-CAH

- Người dân tộc thiểu số.

Ký hiệu: D2-TS2

- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT;

Ký hiệu: D2-VS2

- Người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học.

Ký hiệu: D2-CHH

- Có tuổi đời từ 35 tuổi trở lên, tính đến ngày thi (đối với thí sinh GDTX).

Ký hiệu: D2-T35

3. Diện 3: Cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Người dân tộc thiểu số học ở các trường THPT tại xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ (tính từ thời điểm các xã này hoàn thành Chương trình 135 trở về trước); xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; xã khu vực I, II, III và xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định hiện hành ít nhất hai phần ba thời gian học cấp THPT;

Ký hiệu: D3-TS3

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX).

Ký hiệu: D3-TB3

- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

Ký hiệu: D3-CLS

** Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên thì chỉ hưởng theo tiêu chuẩn cao nhất.*

II. ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH

1. Đạt giải cá nhân kỳ thi học sinh giỏi bộ môn văn hoá lớp 12:

- Giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh: 1,0 điểm.

2. Đạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục tổ chức hoặc phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:

- Giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: 2,0 điểm.
- Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Bạc: 1,5 điểm.
- Giải ba cấp tỉnh hoặc Huy chương Đồng: 1,0 điểm.

** Giải đồng đội chỉ tính cho giải quốc gia, mức điểm cộng thêm giống như giải cá nhân.*

** Học sinh đạt nhiều giải khác nhau trong nhiều cuộc thi/kỳ thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.*

III. LƯU Ý:

- Mục 5: Thí sinh tự do là thí sinh thuộc điểm b khoản 1 Điều 19 Quy chế thi.

Phụ lục VI**MẪU ĐƠN PHÚC KHẢO**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT
ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÚC KHẢO****Kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm**

Kính gửi: Hội đồng thi

Họ và tên thí sinh: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Dân tộc:

Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân:

Số điện thoại:.....

Đã dự tại Điểm thi:.....

Số báo danh:

Đề nghị phúc khảo điểm bài thi các môn thi sau (*chỉ ghi thông tin của các môn thi đề nghị phúc khảo*):

STT	Bài thi/Môn thi	Phòng thi	Điểm bài thi	Ghi chú (Ghi rõ môn ngoại ngữ)
1				
2				
3				
4				

Tổng số bài thi/môn thi đề nghị phúc khảo: (*bằng chữ*)

Tôi xin cam đoan các thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm

Thí sinh đề nghị phúc khảo

(*ký, ghi rõ họ tên*)

Phụ lục VII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT ĐẶC CÁCH TỐT NGHIỆP THPT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT
ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT ĐẶC CÁCH TỐT NGHIỆP THPT

Kính gửi: Hội đồng thi

Họ và tên thí sinh: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Dân tộc:

Số Thẻ Căn cước/Căn cước công dân:

Số điện thoại:.....

Học sinh trường (Ghi tên trường phổ thông nơi học lớp 12):

Số báo danh:

Đã dự thi môn:

Lý do đề nghị xét đặc cách:

Minh chứng để hưởng đặc cách:

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thật. Nếu có gì sai trái, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm

Người viết đơn
(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục VIII**QUY CÁCH VÀ MẪU PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM**

*(Kèm theo Công văn số 1257/BGDĐT-QLCL ngày 19/3/2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1. Quy cách Phiếu trả lời trắc nghiệm:**- Kích thước thành phẩm:**

+ Chiều dọc trong khoảng: 295-297mm;

+ Chiều ngang trong khoảng: 205-210mm;

- Loại giấy: Định lượng 100-120 g/m², độ trắng sáng 92-95%.

- In 02 màu:

+ Màu đen mật độ TRAM 100%;

+ Màu đỏ: các đường kẻ (ngang, dọc, các ô tròn và chữ trong ô tròn) mật độ TRAM 100%, nền mật độ TRAM 10%.

- Các điểm định vị gồm:

+ Định vị đề mã đề thi, định vị số báo danh;

+ Định vị 04 góc;

+ Định vị dọc, ngang các phương án trả lời;

+ Màu của các điểm định vị: màu đen mật độ TRAM 100%;

+ Các điểm/nút định vị 04 góc, định vị mã đề thi, định vị số báo danh, định vị dọc phải cách mép giấy tối thiểu 4,5 mm.

- Phiếu TLTN phải bảo đảm chính xác các điểm định vị và khổ giấy (được in bằng kỹ thuật in bảo đảm chất lượng, đồng đều và chính xác ví dụ như in offset; không sử dụng phiếu được in bằng hình thức photocopy hoặc máy in màu).

2. Phiếu trả lời trắc nghiệm: Mẫu sau đây thể hiện các thông tin cần thiết trong Phiếu TLTN, khi in Phiếu TLTN để sử dụng trong Kỳ thi, Các sở GDĐT cần in theo đúng quy cách với thông số kỹ thuật nêu tại khoản 1 Phụ lục này.

- Mặt sau:

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

- 1) Thí sinh cần giữ Phiếu cho phẳng, không bôi bẩn, không làm nhàu, rách nát;
- 2) Ghi đầy đủ, rõ ràng các mục từ mục 1 đến mục 8;
- 3) Thí sinh tô và ghi đủ số báo danh theo quy định
- 4) Tại mục 7 và 8, ngoài việc ghi chữ số vào ô trống, thí sinh nhất thiết phải tô kín các ô tròn trong bảng phía dưới tương ứng với chữ số đã ghi
- 5) Thí sinh tô đáp án lựa chọn cho mỗi câu hỏi/ý hỏi trên đề thi vào vị trí tương ứng ở trên đề thi. Trong đó:
 - a) Phần I: Thí sinh chỉ tô một đáp án duy nhất tương ứng với đáp án A, B, C, D trong đề thi của câu hỏi tương ứng.
*Ví dụ: thí sinh chọn câu 1 – đáp án A, câu 2 – đáp án B, câu 3 - đáp án C, câu 4 – đáp án B, câu 5 - đáp án D thì tô như **Hình 1** dưới đây*
 - b) Phần II: Thí sinh tô vào ô tương ứng với đáp án đúng hoặc sai đối với mỗi ý trong từng câu hỏi của đề thi.
*Ví dụ: Phần II, Câu 1 thí sinh chọn ý a – đúng; ý b – sai; ý c – đúng; ý d – đúng thì tô như **Hình 2** dưới đây.*
 - c) Phần III: Thí sinh tô bắt đầu từ trái sang phải và bỏ trống các ô bên phải nếu không dùng đến.
*Ví dụ 1: Phần III, Câu 1 thí sinh chọn đáp án là “-1,5” thì tô như **Hình 3** dưới đây.
 Ví dụ 2: Phần III, Câu 1 thí sinh chọn đáp án là “1,5” thì tô như **Hình 4** dưới đây.*

PHẦN I				
	A	B	C	D
1	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>

Hình 1

PHẦN II		
Câu 1		
	Đúng	Sai
a)	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>
b)	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>
c)	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>
d)	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>

Hình 2

PHẦN III									
Câu 1									
-	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
,	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
0	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
1	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Hình 3

PHẦN III									
Câu 1									
-	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
,	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
0	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
1	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
2	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
3	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
4	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
5	<input type="radio"/>	<input checked="" type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
6	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
7	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
8	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
9	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Hình 4

Phụ lục IX

QUY CÁCH VÀ MẪU GIẤY THI TỰ LUẬN
 (Kèm theo Công văn số 1257/BSGDĐT-QLCL ngày 19/3/2026
 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số phiếu
(Số tự động thi)

Số bàn danh
(Số bàn danh thi)

PHÒNG THI SỐ:
 Họ tên và chữ ký của Giám thị 1
 Họ tên và chữ ký của Giám thị 2

Chú ý: Giám thị ghi rõ số họ và tên, số bàn danh và ký vào tại các vị trí này.

KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT
NĂM 20.....

BÀI THI MÓN:

Họ và tên thí sinh:

Diễn đàn:

Họ và tên thí sinh:

Ngày sinh:/...../..... (Nam/Nữ)

Nơi sinh:

CHÚ Ý:
 Thí sinh phải ghi đầy đủ các mục ở trên theo hướng dẫn của Giám thị và không được tự tiện hư hỏng bất cứ vị trí nào ghi ở đây.

Số phiếu
(Số tự động thi)

Số bàn danh
(Số bàn danh thi)

PHÒNG THI SỐ:
 Họ tên và chữ ký của Giám khảo 1
 Họ tên và chữ ký của Giám khảo 2

Chú ý: Giám khảo ghi rõ số họ và tên, số bàn danh và ký vào tại các vị trí này.

KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT
NĂM 20.....

BÀI LÀM

Họ và tên thí sinh:

Diễn đàn:

Họ và tên thí sinh:

Ngày sinh:/...../..... (Nam/Nữ)

Nơi sinh:

CHÚ Ý:
 Thí sinh phải ghi đầy đủ các mục ở trên theo hướng dẫn của Giám thị và không được tự tiện hư hỏng bất cứ vị trí nào ghi ở đây.

Tổng điểm:

Phần I: Câu 1:d Câu 2:d Câu 3:d Câu 4:d Câu 5:d

Phần II: Câu 1:d Câu 2:d Câu 3:d Câu 4:d Câu 5:d

Thí sinh giúp thí sinh thi theo đúng kế này

